

CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 43/PPC-KHKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 03 năm 2017

V/v Công bố Báo cáo thường niên  
năm 2016

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mã chứng khoán : PBP

Địa chỉ trụ sở chính : Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu

Điện thoại : (84) - 7813 957 555

Fax : (84) - 7813 957 666

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quốc Bảo

Địa chỉ: Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 7813 957 555

Fax: (84) - 7813 957 666

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: [www.pbp.vn](http://www.pbp.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin**



*Lê Quốc Bảo*

BÁO CÁO  
THƯỜNG  
NIÊN  
NĂM 2016



CÔNG TY CP BAO BÌ DAU KHÍ VIỆT NAM  
**PETROVIETNAM PACKAGING JSC**

WWW.PBP.VN

## THÔNGIỆP LÃNH ĐẠO

Được thành lập vào năm 2010, trải qua chặng đường phát triển với sự nỗ lực bền bỉ, tinh thần đoàn kết của cả tập thể nhân sự, chiến lược phát triển bền vững cùng nền tảng công nghệ tiên tiến, đến nay PPC đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì chất lượng cao tại Việt Nam, trong đó chủ lực là Bao PP dệt, PP tráng PE và BOPP ghép màng.

Hiểu và nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của Bao bì trong việc phát triển thương hiệu sản phẩm, tiếp cận thị trường, chúng tôi không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao tay nghề, công nghệ để cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất với phương châm “Uy tín – Chất lượng – An toàn – Hiệu quả”.

Năm 2016, là năm thứ 6 đánh dấu cột mốc chặng đường phát triển của Công ty trong giai đoạn thứ nhất trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh Bao bì. Theo định hướng phát triển bền vững trong giai đoạn tới, tận dụng thế mạnh của mình, bên cạnh việc tập trung phát triển sản phẩm chủ lực – Bao bì, PPC đã mạnh dạn đầu tư phát triển sang ngành nghề sản xuất và kinh doanh Phân bón, được đánh dấu với sự ra đời của Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu, là bước ngoặt mới cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

Một chặng đường khép lại, một hành trình mới mở ra. Năm 2017 là năm sẽ có nhiều hứa hẹn cho sự chuyển mình mới nhưng cũng không kém chông gai thử thách, bởi là năm đầu tiên Nhà máy Phân bón đi vào hoạt động. Nhưng với sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo Công ty và sự cố gắng của toàn thể CBCNV Công ty đã đề ra mục tiêu thực hiện trong năm 2017 “*Cán bộ CNV PPC năng động, quyết tâm làm chủ công nghệ để hướng đến phát triển toàn diện*”. Toàn diện ở đây không chỉ nói riêng về chất lượng sản phẩm mà là toàn diện về cả mọi mặt, trong đó giá trị văn hóa doanh nghiệp và nguồn nhân lực nội tại Công ty được xem là giá trị cốt lõi giúp Công ty hoàn thành mục tiêu đề ra.

Thay mặt tập thể Ban lãnh đạo và người lao động PPC, Chúng tôi xin được gửi đến Quý vị lời tri ân sâu sắc và lời cam kết không ngừng nỗ lực phấn đấu để đem lại ngày càng nhiều giá trị lợi ích gia tăng đáp lại sự mong mỏi, tin yêu mà Quý vị Cổ đông đã dành cho PPC.

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



---

**Trần Chí Nguyễn**

# MỤC LỤC

## GIỚI THIỆU CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá Trình hình thành phát triển
3. Dấu ấn nổi bật năm 2016
4. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
5. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động
6. Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý
7. Định hướng phát triển
8. Các rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình hoạt động đầu tư
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông , thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)**

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm Soát
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



TRỤ SỞ CÔNG TY



NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ

## 1.THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1900437757

- Vốn điều lệ: 40.812.490.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.812.490.000 đồng

- Địa chỉ: Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

- Số điện thoại: 07813 957 555



NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN

## 2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Các cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC):



2010

- Thành lập vào tháng 6 năm 2010, là công ty con của Petrosetco.

2012

- 10/2012, Chuyển đổi thành công ty con của Công ty CP Phân Bón Dầu Khí Cà Mau (PVCFC).



2015

- Đầu năm 2015, Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam chính thức niêm yết trên sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là PBP.



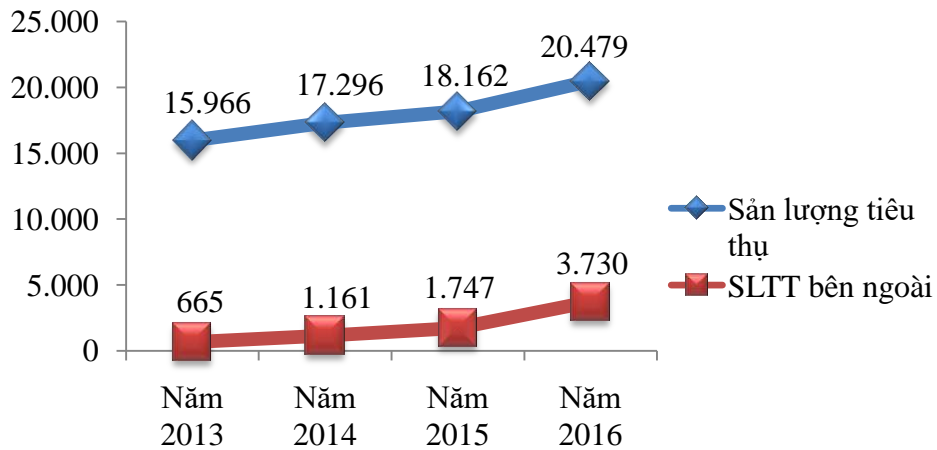
2016

- Đầu tư mua sắm thiết bị để mở rộng quy mô sản xuất bao bì.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân bón Dầu Khí Bạc Liêu



**3. DẤU ẤN NỔI BẬT TRONG NĂM 2016**

Sản lượng tiêu thụ năm 2016 vượt mốc 20 triệu bao/ năm (20,48 triệu bao), đặc biệt sản lượng kinh doanh bán cho thị trường bên ngoài năm 2016 tăng trưởng khá tốt (tăng 213% so với năm trước).



Hoàn thành Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu, đánh dấu bước ngoặt mới cho sự phát triển của Công ty.



## 4. TRIẾT LÝ KINH DOANH

### TÂM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm bao bì chất lượng cao trong và ngoài nước, trong đó lấy bao bì PP chất lượng cao làm lĩnh vực cốt lõi.

Xây dựng thương hiệu uy tín, nhân văn, phát triển hiệu quả, bền vững.

### SỨ MỆNH

Các sản phẩm: Cung cấp bao bì chất lượng cao để đóng gói nông sản, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu,...

- Giá: Các sản phẩm của PPC có giá cả cạnh tranh phù hợp với mục đích sử dụng của từng khách hàng.
- Môi trường làm việc của nhân viên: Môi trường làm việc năng động, sáng tạo, hưởng thù lao xứng đáng theo kết quả công việc thực hiện.
- Cổ đông: Đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh, doanh thu và lợi nhuận ổn định, mang lại lợi nhuận bền vững cho các cổ đông.
- Cộng đồng: Góp phần giải quyết việc làm cho các lao động trong tỉnh nhà, nộp ngân sách nhà nước đầy đủ. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả”

- Uy tín: Đây là một trong những tiêu chí hàng đầu của PPC, luôn bảo vệ uy tín trong mọi mối quan hệ giao dịch, với đồng nghiệp, khách hàng, đối tác.
- Chất lượng: Không ngừng đổi mới, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã đáp ứng nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.
- An toàn: Tạo một nơi làm việc và sản phẩm đảm bảo an toàn cho tất cả các bên liên quan, có trách nhiệm với cộng đồng và thân thiện với môi trường.
- Hiệu quả: Lao động là nền tảng của sự phát triển, hướng đến mục tiêu “Tinh gọn - Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Hiệu quả.”
- Văn hóa doanh nghiệp: “Đoàn kết – Năng động – Sáng tạo – Hợp tác”.

**5. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

**SẢN XUẤT KINH DOANH SẢN PHẨM BAO BÌ**

Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì chất lượng cao như bao PP dệt, PP ghép màng, PP trắng,... dùng đựng gạo, phân bón, thủy hải sản, ....



**SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH PHÂN BÓN**



**ĐỊA BÀN KINH DOANH**

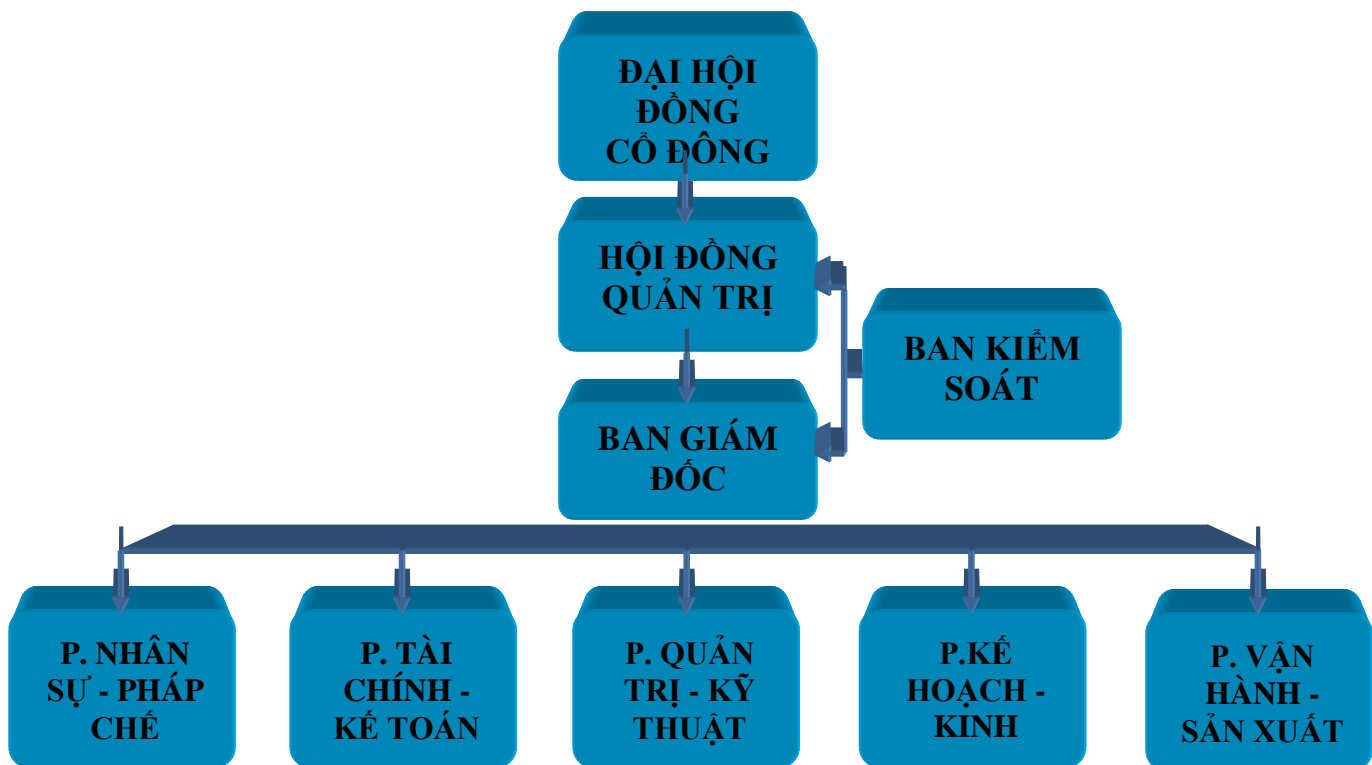




## 6. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Theo đó Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất, được tổ chức và hoạt động theo qui định pháp luật và Điều lệ Công ty.

### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



**7 .ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN****MỤC TIÊU** Về Sản phẩm:

Xây dựng định vị thương hiệu bao bì chất lượng cao trên thị trường trong nước;  
Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.  
Sản xuất ổn định Phân bón N. Humate + TE.

 Về Kinh doanh:

Đi đầu về chất lượng, giá cả;  
Thiện chí trong liên kết, hợp tác với khách hàng, đối tác;  
Xây dựng và giữ vững phương châm: Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả.

 Nhân sự:

Tinh gọn - Chuyên nghiệp - Hiệu quả.

 Về Tài chính:

Cơ cấu và sử dụng nguồn vốn đúng đắn và hiệu quả;

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục tập trung phát triển lĩnh vực Bao bì, giá trị cốt lõi của Công ty. Từng bước thâm nhập và phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh Phân bón.

**MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG**

Với nhận thức phải luôn có trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, bên cạnh các định hướng phát triển trong kinh doanh, Công ty còn chú trọng các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng như tổ chức chương trình Nghĩa tình người Tết cho người nghèo, hỗ trợ 01 ngôi nhà tình thương cho nhân viên có hoàn cảnh khó khăn của Công ty. Ngoài ra, Công ty cùng phối hợp với các đơn vị khác thường xuyên thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách tại địa phương nơi Công ty đặt trụ sở.



## 8. CÁC RỦI RO

### RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty chủ yếu là hạt nhựa PP. Hiện tại, hạt nhựa PP được lấy chủ yếu từ Nhà máy lọc Dầu Dung Quất. Tuy nhiên, theo đánh giá của Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), nguyên liệu sản xuất trong nước hiện chỉ đáp ứng 100.000 - 150.000 tấn/năm cho các doanh nghiệp sản xuất nhựa, trong khi nhu cầu sử dụng lên đến 1,2 triệu tấn/năm, chưa kể nhu cầu tăng trưởng của nguyên liệu này được Hiệp hội Nhựa VN xác định tăng trung bình 15%/năm. Do đó, giá hạt nhựa trong nước luôn bị biến động theo giá hạt nhựa từ thế giới.

### RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 122/2016/NĐ-CP, áp dụng mức thuế nhập khẩu nguyên liệu PP (HS 3902) như sau:

- Kể từ ngày 01/9 – 31/12/2016: Thuế nhập khẩu PP là 1%.
- Kể từ ngày 01/01/2017: Thuế nhập khẩu PP là 3%.



**1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/ giảm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp	144.476.510.268	153.298.850.980	6,10%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.476.510.268	153.298.850.980	6,10%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung	120.656.939.156	125.837.371.394	4,30%
Doanh thu hoạt động tài chính	122.409.154	30.601.798	-75,00%
Chi phí tài chính	2.981.668.071	2.722.331.317	-8,70%
Chi phí bán hàng	2.542.052.535	3.763.825.820	48,10%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.476.870.133	10.805.773.032	27,50%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	9.941.389.527	10.200.151.215	2,60%
Thu nhập khác	-	90.909.091	
Chi phí khác	-	-	
Lợi nhuận khác	-	90.909.091	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.941.389.527	10.291.060.306	3,50%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	8.947.250.575	9.206.423.335	2,90%

Năm 2016, trước bối cảnh giá dầu liên tục biến động giảm mạnh, tác động lớn đến nền kinh tế chung của Ngành Dầu khí, Công ty PPC cũng chịu ảnh hưởng tình hình chung đó. Tuy nhiên với sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Công ty mẹ PVCFC, cùng với sự đồng tâm hiệp lực, quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016 đề ra, doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 153,30 tỷ đồng tăng 6,1% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế đạt 10,29 tỷ đồng, tăng 2,9% so năm trước. Đặc biệt là hoàn thành xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu với công suất thiết kế 30.000 tấn/ năm sản phẩm Phân N. Humate+Te, là sản phẩm đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam.

## 2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP đại diện	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Lê Quốc Dũng	Giám đốc	392.750	50.000	442.750	13,56%
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	-	-	-	-
3	Lê Cảnh Khánh	Kế toán trưởng		1.000	1.000	0,03%

#### Ông LÊ QUỐC DŨNG - Giám Đốc Công ty

Năm sinh: 11/11/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Công trình và đô thị.

Tóm tắt quá trình công tác:

Năm 2000, công tác tại Công ty Invesco – Tổng công ty xây dựng Hà Nội. Sau đó Ông làm việc cho Công ty Petrosetco đảm nhận chức vụ Phó trưởng Ban Phát triển kinh doanh, Phó trưởng ban Đầu tư Phát triển. Tháng 7/2010 đến nay, Ông đảm nhận chức vụ Giám đốc kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty PPC.

#### Ông NGUYỄN THANH NHUẬN - Phó Giám Đốc Công ty

Năm sinh: 02/03/1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử

Tóm tắt quá trình công tác:

Từ năm 2006 – 2011, Ông đã từng làm kỹ sư Điện – Điện tử của Công ty NiGiCo . Sau đó, Ông bắt đầu làm việc tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam đảm nhận chức danh trưởng ca sản xuất. Hiện tại, Ông đảm nhận chức vụ Phó Giám đốc Công ty PPC.

#### Ông LÊ CẢNH KHÁNH - Kế toán trưởng công ty

Năm sinh: 28/09/1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

Từ năm 1992–1996, Ông đã từng đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng: Công Trung tâm Tôm – Đại học Cần Thơ, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ. Hiện tại, Ông đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng Công ty PPC.



**2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

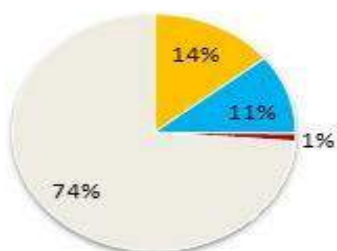
**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH**

TT	Họ tên	Chức vụ	Số CMND	Ngày cấp	Ngày bổ nhiệm
1	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	385114822	23/06/2005	25/05/2016

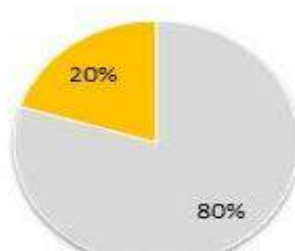
**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH**

STT	Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	26	14%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	20	11%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	2	1%
4	Lao động phổ thông	135	74%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>		
	Lao động trực tiếp	146	80%
	Lao động gián tiếp	37	20%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
	Nam	116	63%
	Nữ	67	37%
<b>Tổng cộng</b>		<b>183</b>	<b>100%</b>

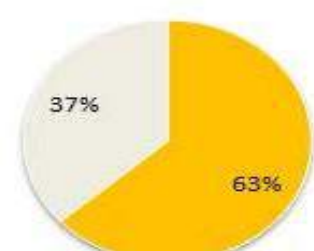
**Theo trình độ lao động**



**Theo đối tượng lao động**



**Theo giới tính**



- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

- Lao động trực tiếp
- Lao động gián tiếp

- Nam
- Nữ

## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Ban Lãnh đạo Công ty hiểu được nhân lực là nòng cốt cho sự phát triển Công ty nên luôn quan tâm, khuyến khích nhân viên tự học hỏi nâng cao tay nghề kinh nghiệm thông qua các chương trình đào tạo tại các trung tâm và đặc biệt chú trọng đào tạo nội bộ.

### CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỜNG

Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH. Thương các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm, chế độ nghỉ mát hằng năm, ...



## 3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN, ĐẦU TƯ

Trong năm 2016, để nâng cao công suất Nhà máy Bao bì, PPC đã đầu tư thêm 01 máy sợi và 02 máy dệt, hoàn thành trong Quý III/2016, hiện tại đã vận hành ổn định.



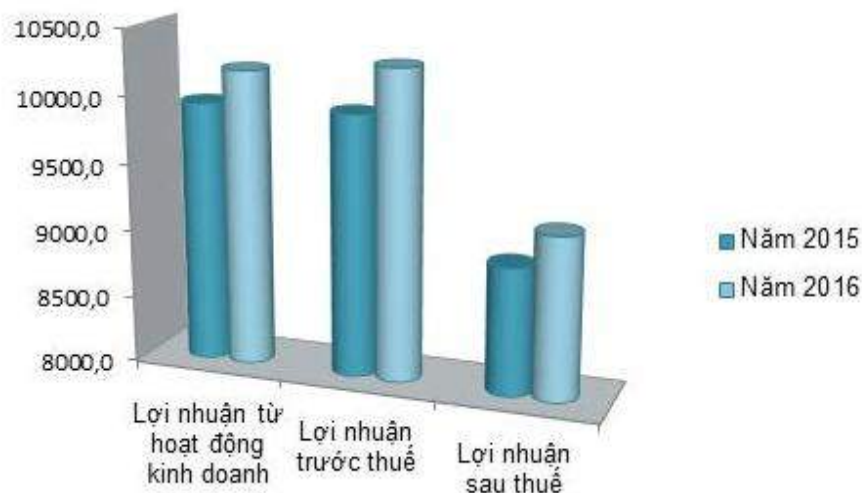
Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, Công ty đã xây dựng hoàn thành Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu với công suất 30.000 tấn/năm.



## 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	85.418	116.449	36,33%
Doanh thu thuần	144.477	153.299	6,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.941	10.200	2,60%
Lợi nhuận khác	-	91	
Lợi nhuận trước thuế	9.941	10.291	3,52%
Lợi nhuận sau thuế	8.947	9.206	2,90%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	91%	44%	-51,41%

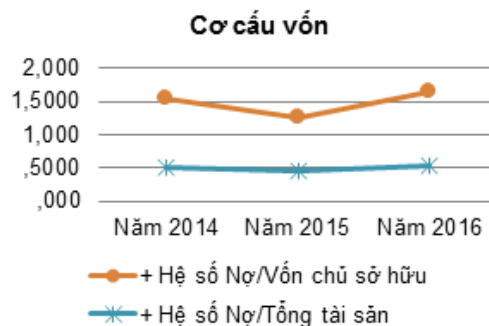
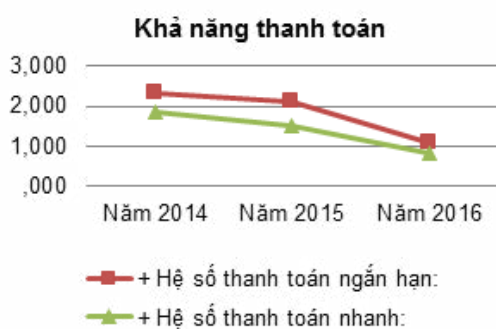


Có thể thấy tình hình tài chính năm 2016 tích cực hơn so với năm 2015. Doanh thu thuần năm 2016 tăng 6% so với năm 2015 đồng nghĩa doanh số kinh doanh năm 2016 có xu hướng tăng trưởng tốt. Lợi nhuận trước thuế đạt 10.291 triệu đồng, tăng 3,52% so với năm 2015 và lợi nhuận sau thuế đạt 9.206 triệu đồng, tăng 2,90% so với cùng kỳ năm trước.

## 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,10	1,08	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,53	0,81	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,45	0,53	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,81	1,12	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	14,52	13,82	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,69	1,32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	6,19%	6,01%	
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	18,93%	16,77%	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	10,47%	7,91%	
<b>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</b>	<b>6,88%</b>	<b>6,65%</b>	



Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều thấp hơn so với năm 2015, lần lượt đạt 1,08 và 0,81 lần. Nguyên nhân do việc tăng đáng kể của nợ ngắn hạn trong năm chủ yếu là khoản nợ phải trả khách hàng do Công ty thương thảo với khách hàng kéo dài thời gian trả nợ. Tuy nhiên, hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn lớn hơn 1, đảm bảo khả năng thanh toán an toàn của Công ty.

Do tốc độ tăng nhanh hơn của nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2016 đã tăng đáng kể so với năm 2015, từ 0,81 lần lên 1,12 lần. Hệ số nợ/ tổng tài sản năm 2016 tuy cũng tăng so với năm 2015, từ 0,45 lần lên 0,53 lần tuy nhiên vẫn nằm ở mức độ an toàn

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu phát hành: 4.081.249 CP

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.081.249 CP

Cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.081.249 CP

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ CP

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 06/06/2016

#### Cơ cấu cổ đông



STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
I	Cổ đông nhà nước		
II	Cổ đông nội bộ	2.135.125	52,32%
III	Cổ đông trong nước	1.921.124	47,07%
	- Cá nhân	1.621.124	39,72%
	- Tổ chức	300.000	7,35%
IV	Cổ đông nước ngoài	25.000	0,61%
	- Cá nhân	25.000	0,61%
	- Tổ chức	-	-
V	Cổ phiếu quỹ	-	-
	Tổng cộng	4.081.249	100%

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2001012298	Lô D, khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà	2.082.625	51,0%
Doanh Nghiệp Tư Nhân Phương Ngọc	1900271808	9 Trần Phú, Phường 7, Tp BL, Tỉnh Bạc Liêu	300.000	7,4%
Phùng Văn Phát	13188637	P216 Nơ 5, KĐT, Pháp Vân, Hà Nội	222.875	5,5%

## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ

Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 1 đợt cổ phiếu. Công ty đã phát hành để trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 816.249 cổ phần. Cổ phiếu phát hành thêm được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 12/07/2016.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2016, Công ty không có hoạt động mua bán cổ phiếu quỹ nào.  
Các chứng khoán khác: không có.

## 6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU



Tổng lượng nguyên vật liệu chính (Hạt nhựa PP, HDPE, LLDPE) sử dụng trong năm 2016 là 2.715 tấn.

Lượng nguyên liệu được tái chế sử dụng lại rất thấp.

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty là điện. Năm 2016, lượng điện năng tiêu thụ là 2.809.700 kwh/năm.

### TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ 02 nguồn: Nhà máy cấp thoát nước và nguồn nước ngầm. Tuy nhiên lượng nước sử dụng rất ít.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2016, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC





**1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH****ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH****• Thuận lợi:**

- PPC tiếp tục có được thuận lợi trong việc cung ứng Bao bì Phục vụ nhà máy Đạm Cà Mau.

- Năm 2016, Chính phủ ban hành một loạt chính sách hỗ trợ ngành Nông nghiệp, đặc biệt là ngành Nông nghiệp Công nghệ cao giúp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, tăng năng suất cây trồng đặc biệt là lúa gạo.

- Năm 2016 chính phủ đã giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu hạt nhựa nguyên sinh từ 2% năm 2015 xuống còn 1% trong năm 2016. Thuế nhập khẩu giảm giúp giảm giá thành sản xuất trong ngành Bao bì nói chung và PPC nói riêng. Hơn nữa giá Dầu thô ở mức thấp giúp giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào của các Doanh nghiệp ngành nhựa.

- PPC là doanh nghiệp được Lãnh đạo, cơ quan ban ngành địa phương hỗ trợ.

- PPC có sơ đồ tổ chức nhân sự đơn giản và hiệu quả.

- Công ty PPC có đội ngũ CBCNV trẻ, đoàn kết, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo.

**• Khó khăn:**

- Tỷ giá USD tăng mạnh vào cuối năm 2016 và có dấu hiệu tiếp tục tăng trong năm 2017, ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào của sản phẩm.

- Công tác tuyển dụng lao động chất lượng, công nhân có tay nghề cao còn khó khăn do vị trí địa lý đặt Nhà máy.

- Cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp sản xuất bao bì, đặc biệt là cạnh tranh về giá thành trong dòng sản phẩm Bao bì phục vụ ngành thức ăn chăn nuôi.

- Trong năm 2016, ngoài nhiệm vụ phải hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Nhà máy Bao bì, PPC được nhận thêm nhiệm vụ triển khai Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón tại Bạc Liêu. Đây cũng là một thách thức lớn đối với PPC, bởi PPC chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực Phân bón và nguồn nhân lực nội tại cũng khá mỏng nên trong quá trình triển khai thực hiện gặp rất nhiều khó khăn thử thách. Đồng thời nhà máy thi công vào mùa mưa ảnh hưởng đến tiến độ. Hơn nữa việc phân tán nguồn lực để tập trung triển khai dự án Nhà máy phân bón cũng khá ảnh hưởng đến công việc của CBCNV PPC.



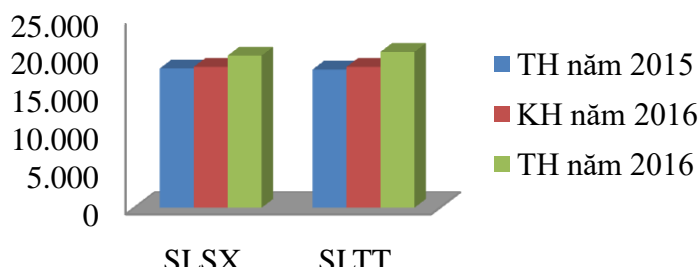
# 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

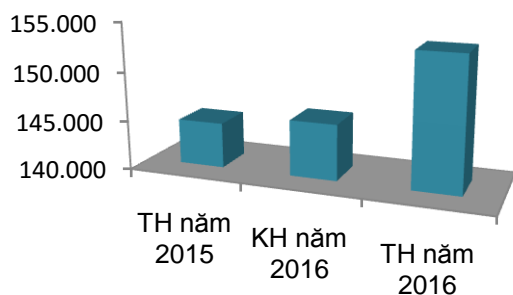
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2015	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ TH/KH (%)	Tỷ lệ TH 2016/ TH 2015
A	B	C	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
1	Sản lượng sản xuất	Nghìn bao	18.304,94	18.514,27	19.993,03	107,99%	109,22%
2	Sản lượng tiêu thụ	Nghìn bao	18.162,28	18.514,27	20.479,07	110,61%	112,76%
3	Doanh thu	Triệu đồng	144.599	144.907	153.420	105,87%	106,10%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.941	5.415	10.291	190,03%	103,52%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.947	4.874	9.206	188,89%	102,90%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10%	25%	Dự kiến 15%	162,53%	85,09%

Trong năm 2016, là một năm đầy thách thức đối với Công ty, bởi Công ty phải đảm bảo hoàn thành 02 mục tiêu chính đó là hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty và hoàn thành Công trình Dự án Nhà máy SX Phân bón Dầu khí Bạc Liêu. Tuy nhiên, được sự quan tâm hỗ trợ từ phía Công ty mẹ PVCFC, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và tinh thần quyết tâm, cố gắng nỗ lực thực hiện của Ban lãnh đạo Công ty đã điều phối linh động nguồn nhân lực đã hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra. Thành tích đó được thể hiện rõ qua kết quả SXKD năm 2016 của Công ty. Cụ thể sản lượng kinh doanh năm 2016 vượt hơn 10% so với kế hoạch đề ra và vượt hơn 12% so với cùng kỳ năm trước; chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều vượt hơn so với KH lần lượt 5,87% và 88,89% và đều tăng so với cùng kỳ năm trước.

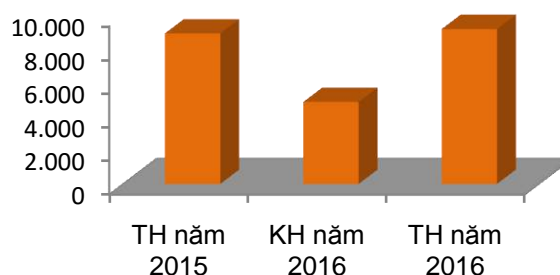
Nghìn bao Sản lượng Sản xuất - Tiêu thụ



Doanh thu



Lợi nhuận sau thuế



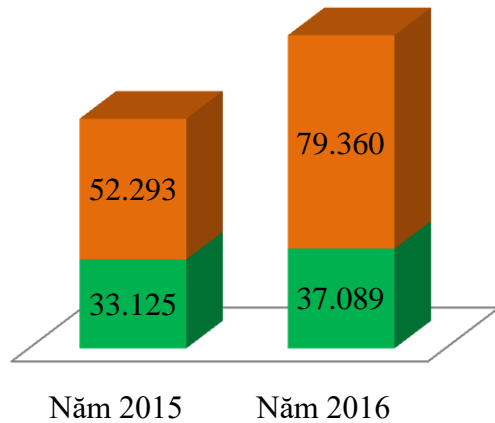
**2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**TÌNH HÌNH TÀI SẢN**

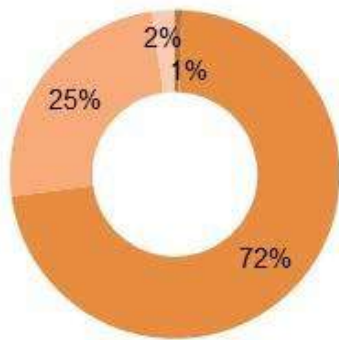
Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị tổng tài sản công ty đạt 116.449 triệu đồng, tăng 36% so với thời điểm đầu năm, tài sản năm 2016 tăng chủ yếu từ việc đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Nhà máy Bao bì và xây dựng Dự án Nhà máy SX Phân bón Dầu khí Bạc Liêu.

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản biến động giảm nhẹ trong năm 2016, đạt 31,85% tại thời điểm 31/12/2016; tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản đến cuối năm là 68,15%, tăng so với năm 2015, do năm 2016 tài sản do đầu tư tăng đáng kể.

■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

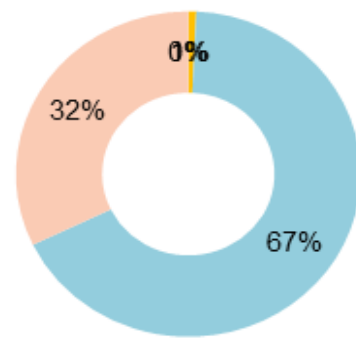


**Cơ cấu tài sản ngắn hạn tại 31/12/2016**



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

**Cơ cấu tài sản dài hạn tại 31/12/2016**



- Các khoản phải thu dài hạn
- Tài sản dài hạn khác
- Tài sản cố định
- Tài sản dở dang dài hạn

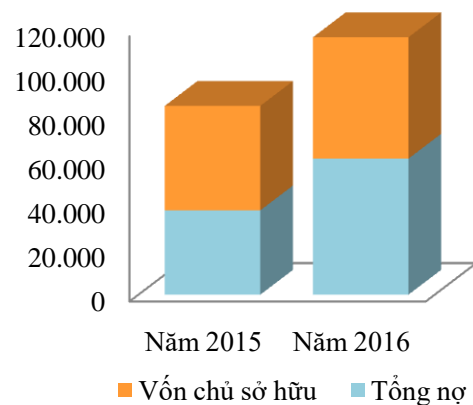
## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/ giảm
<b>Tổng nợ</b>	<b>38.163</b>	<b>61.538</b>	<b>61,25%</b>
Nợ ngắn hạn	15.783	34.204	116,71%
Nợ dài hạn	22.380	27.334	22,14%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>47.255</b>	<b>54.912</b>	<b>16,20%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>85.418</b>	<b>116.449</b>	<b>36,33%</b>

Khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016 là 61.538 triệu đồng, tăng 61,25% so với thời điểm cuối năm 2015. Trong đó nợ ngắn hạn tăng 18.421 triệu đồng (chủ yếu nợ phải trả khách hàng, do Công ty thương thảo được với khách hàng thời hạn trả nợ dài; phải trả người lao động) và nợ dài hạn tăng 4.954 triệu đồng, do đầu tư mới, tuy nhiên đối với nợ dài hạn của Nhà máy Bao bì đã được giảm do Công ty thực hiện trả nợ gốc định kỳ hàng quý.



### **3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ**

Năm 2016, Công ty đã vận hành thành công hệ thống quản trị ERP vào trong quản trị Công ty.

Từng bước xây dựng Văn hóa Công ty mang đậm đặc trưng PPC “Đoàn kết, Năng động, Sáng tạo, Hợp tác”.

Cải cách về cơ cấu tổ chức: bổ nhiệm Phó Giám đốc chuyên phụ trách về mảng kỹ thuật, sắp xếp bộ máy công ty đáp ứng yêu cầu công việc và hiệu quả.

### **4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

Trong năm 2017, Công ty mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực Phân bón, cụ thể sản xuất và kinh doanh sản phẩm Phân bón N. Humate +TE mang thương hiệu Đạm Cà Mau, sản phẩm là loại phân bón hỗn hợp giữa Ure và chất hữu cơ, được xem là giải pháp tốt nhất trong việc cải tạo và phục hồi cho đất trồng.

Kế hoạch cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	KH năm 2017	So với năm 2016
1	Sản lượng tiêu thụ				
	<i>Bao bì</i>	Nghìn bao	20.479	20.557	100,38%
	<i>Phân bón</i>	Tấn		15.000	
2	Doanh thu	Triệu đồng	153.420		0,00%
	<i>Bao bì</i>		153.420	149.241	97,28%
	<i>Phân bón</i>			131.173	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.291	8.293	80,58%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.206	7.509	81,57%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Dự kiến 15%	Dự kiến 12%	80,00%





# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## **1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

Theo đánh giá chung của Hội đồng quản trị PPC, năm 2016 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của PPC có sự tăng trưởng tốt, theo kịp tốc độ tăng trưởng của Ngành Bao bì trong nước.

Cũng trong năm 2016, nhằm tận dụng một số ưu thế về nguyên vật liệu và thị trường đầu ra cũng như nhận được sự hỗ trợ từ Công ty mẹ Đạm Cà Mau. PPC đã mạnh dạn nghiên cứu đánh giá khả thi và nhanh chóng đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phấn bón Dầu khí tại Bạc Liêu. Đi tiên phong trong việc sản xuất và cung cấp dòng sản phẩm phân bón dinh dưỡng hữu cơ, cung cấp dinh dưỡng hữu cơ tự nhiên cho cây trồng đồng thời cải tạo đất Nông nghiệp.

Cụ thể về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 như sau:

- Về doanh thu thực hiện: Năm 2016, doanh thu đạt 153,42 tỷ đồng, đạt 105,88% so với KH và đạt 106,10% so với năm 2015.
- Về lợi nhuận thực hiện: Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 9,21 tỷ đồng tương đương đạt 188,92% so với KH và đạt 102,90% so với năm 2015.
- Về các mặt hoạt động khác:

Công ty luôn quan tâm đến việc tìm kiếm và đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động và phát triển công ty, áp dụng các hình thức động viên khen thưởng, phát động chương trình phát huy cải tiến sáng kiến nhằm cho người lao động ngày càng có ý thức, trình độ và tự nguyện đóng góp công sức cho hoạt động sản xuất kinh doanh công ty.

Tổ chức thực hiện, giám sát và tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất.

Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành; tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định; lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận cũng như hỗ trợ giúp đỡ cho những gia đình công nhân nghèo.

## **2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc phối hợp hoạt động dựa trên nguyên tắc linh động, nhịp nhàng, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông. Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy định hiện hành và Điều lệ Công ty; nỗ lực triển khai hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Mặc dù, trong năm 2016 có nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực cố gắng, chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

### 3. CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA A HDQT

#### ▣ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017
1	Sản lượng sản xuất		
	Bao bì	Nghìn bao	20.557
	Phân bón	Tấn	15.000
2	Sản lượng tiêu thụ	Nghìn bao	18.514
	Bao bì	Nghìn bao	20.557
	Phân bón	Tấn	15.000
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	280,41
	Bao bì	Tỷ đồng	149,24
	Phân bón	Tỷ đồng	131,17
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,51
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12,00%

#### ▣ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2017



Năm 2017, Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam vận hành sản xuất song song 02 nhà máy bao gồm nhà máy sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu và Nhà máy sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu.

□ Đối với nhà máy Bao bì là tiếp tục gia tăng thị phần, giữ vững tốc độ tăng trưởng về sản lượng, doanh thu, tập trung nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm cũng như đảm bảo lợi nhuận cho công ty và lợi ích của Nhà đầu tư.

□ Đối với nhà máy Sản xuất phân bón tập trung vào công tác vận hành ổn định, hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.



## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện	SL cổ phần	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Trần Chí Nguyễn	CT. HĐQT	775.438		19,00%
2	Lê Quốc Dũng	TV. HĐQT kiêm Giám đốc Công	490.938	50.000	13,25%
3	Tống Việt Thống	TV. HĐQT	408.125	-	10,00%
4	Trần Như Quỳnh	TV. HĐQT	408.125	-	10,00%
5	Trần Thiên Hồng	TV. HĐQT	-	-	0,00%

#### Ông TRẦN CHÍ NGUYỄN - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 21/09/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Tóm tắt quá trình công tác:

Trước năm 2008, Ông Nguyễn làm việc tại Phòng Kế toán – Bưu điện tỉnh Cà Mau với nhiều vị trí khác nhau. Từ 2008-2011, Ông công tác tại Phòng Tài chính kế toán Ban Quản lý Dự án Cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau với các chức danh: Chuyên viên, Phó trưởng phòng. Ông đảm nhận chức vụ Kiểm soát viên chính tại PVCFC bắt đầu từ năm 2012. Từ tháng 1/2016, Ông được bổ nhiệm vào vị trí Ủy viên Hội đồng Quản trị PVCFC. Đến tháng 4/2016, Ông được Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đề cử đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam.

#### Ông LÊ QUỐC DŨNG - TV HĐQT Kiêm Giám Đốc công ty

Năm sinh: 11/11/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Công trình và đô thị.

Tóm tắt quá trình công tác:

2000, công tác tại Công ty Invesco – Tổng công ty xây dựng Hà Nội. Sau đó, Ông giữ chức vụ Phó trưởng Ban Phát triển kinh doanh, Phó trưởng ban Đầu tư Phát triển- Công ty Petrosetco 07/2010 đến nay, Giám đốc kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty PPC.

## 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

#### Ông TÔNG VIỆT THÔNG – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 20/04/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Tóm tắt quá trình công tác:

2001 đến 8/2003, Kế toán Tổng hợp Công ty Xây dựng số 8 (trực thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1). Năm 2003, Ông về Ban QLDA Cụm Khí – Điện – Đạm giữ chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính kế toán. Từ năm 2011 đến nay, Ông đảm nhận chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau và từ tháng 10/2014, Ông được đề cử làm thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam.

#### Bà TRẦN NHƯ QUỲNH – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 18/08/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác: Từ năm 2001-2008, Bà công tác tại Công ty CP XNK Thủy sản Cà Mau (Camimex). Đến năm 2008, Bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Ban Quản lý Dự án Cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau. Từ tháng 9/2012 - 2015, Bà đảm nhận chức vụ Phó Trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau. Hiện tại, Bà giữ chức vụ Trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau, kiêm nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam từ tháng 10/2014 đến nay.

#### Ông TRẦN THIÊN HỒNG – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 04/03/1951 Trình

độ văn hóa: 12/12

Tóm tắt quá trình công tác: Từ năm 1975-1985, Ông làm việc tại Hợp tác xã xây dựng Bình Minh. Từ sau năm 1985 đến nay, Ông tự kinh doanh buôn bán đồ gỗ tại gia.

## **1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **X CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cho các thành viên HĐQT thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

### **X HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

HĐQT đã ban hành quy chế làm việc của mình, phân công, phân nhiệm cho từng thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực cụ thể.

- Với nhiệm vụ được phân công, các thành viên HĐQT đã thực hiện nghiêm túc quyền và trách nhiệm của mình; thường xuyên có sự trao đổi về nội dung và phương hướng công tác đi đến thống nhất trong chỉ đạo.
- HĐQT cũng đã ban hành mới, bổ sung các quy chế, quy định, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ, thống nhất định hướng để Ban Giám đốc điều hành các mặt hoạt động của công ty.
- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời có ý kiến với Ban Giám đốc theo trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.
- Hoạt động quản trị Công ty đều theo đúng Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên theo dõi, đôn đốc trong việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết/quyết định của HĐQT bao gồm việc giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động của Công ty.
- Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.
- Thực hiện tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, thông qua các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản, HĐQT đã thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giám sát và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

# 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 15 cuộc họp và 21 lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành các Nghị quyết, quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-PPC-HĐ	25/03/2016	V/v Chấp thuận các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
2	02/NQ-PPC-HĐ	14/04/2016	V/v Bầu chủ tịch HĐQT mới nhiệm kỳ 2015-2020
3	03/NQ-PPC-HĐ	26/04/2016	V/v thông qua hồ sơ đăng ký cổ phiếu để trả cổ tức và triển khai thực hiện phương án phát hành
4	04/NQ-PPC-HĐ	27/04/2016	V/v Công tác cán bộ PPC
5	05/NQ-PPC-HĐ	10/05/2016	V/v Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2016 của HĐQT PPC
6	06/NQ-PPC-HĐ	17/05/2016	V/v Phân công nhiệm vụ năm 2016 cho các TV HĐQT PPC
7	07/NQ-PPC-HĐ	15/06/2016	V/v Vay vốn thực hiện Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu
8	08/NQ-PPC-HĐ	13/07/2016	V/v Sơ kết tình hình thực hiện SXKD 6T đầu năm 2016 và triển khai KH SXKD 6T cuối năm 2016
9	09/NQ-PPC-HĐ	18/10/2016	V/v Sơ kết tình hình thực hiện SXKD 9T đầu năm 2016 và triển khai KH SXKD 3T cuối năm 2016
10	10/NQ-PPC-HĐ	30/12/2016	V/v phê duyệt KH quỹ tiền lương năm 2016 của PPC
11	01/QĐ-PPC-HĐ	06/02/2016	V/v Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng
12	02/QĐ-PPC-HĐ	25/02/2016	V/v Ban hành Quy chế văn thư lưu trữ và quản lý, sử dụng tài liệu mật
13	03/QĐ-PPC-HĐ	03/03/2016	Vv Cử Ông Lê Quốc Dũng - Giám đốc Công ty đi công tác nước ngoài
14	04/QĐ-PPC-HĐ	12/03/2016	Vv Quyết toán Quỹ lương năm 2015
15	05/QĐ-PPC-HĐ	31/03/2016	V/v Chấp thuận triển khai thuê tư vấn thiết kế, thẩm định bản vẽ thi công, lập dự toán Công trình Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu
17	07/QĐ-PPC-HĐ	25/04/2016	V/v Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu
18	08/QĐ-PPC-HĐ	29/04/2016	V/v Giao cho Giám đốc Phân phối trả lương, thù lao, thưởng cho HĐQT, BKS, Giám đốc

19	09/QĐ-PPC-HĐ	11/05/2016	V/v Phê duyệt chi thưởng hoàn thành vượt KH năm 2015
20	10/QĐ-PPC-HĐ	11/05/2016	V/v Phê duyệt thiết kế dự toán của Dự án Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu
21	10A/QĐ-PPC-HĐ	13/05/2016	V/v Ban hành Quy chế Quản lý vốn bằng tiền của PPC
22	11/QĐ-PPC-HĐ	13/05/2016	V/v Ban hành Quy chế Quản lý tài chính của PPC
23	12/QĐ-PPC-HĐ	18/05/2016	V/v Chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015
24	13/QĐ-PPC-HĐ	24/05/2016	V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc PPC
25	14/QĐ-PPC-HĐ	14/06/2016	V/v Chấp thuận mức phụ cấp cho Thư ký Công ty
26	15/QĐ-PPC-HĐ	14/06/2016	V/v Thông qua sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty
27	16/QĐ-PPC-HĐ	29/06/2016	V/v Điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty
28	17/QĐ-PPC-HĐ	04/07/2016	V/v cử Giám đốc PPC đi công tác nước ngoài (Đài Loan-Trung Quốc)
29	18/QĐ-PPC-HĐ	13/07/2016	V/v ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty
30	19/QĐ-PPC-HĐ	19/07/2016	V/v Điều chỉnh nội dung khoản 1 Điều 5 của Điều lệ Công ty
31	20/QĐ-PPC-HĐ	05/09/2016	V/v Ủy quyền cho Giám đốc điều chỉnh Dự toán các hạng mục Công trình Dự án Nhà máy Phân bón DKBL
32	21/QĐ-PPC-HĐ	05/09/2016	V/v ban hành Quy chế đào tạo Công ty
33	22/QĐ-PPC-HĐ	05/09/2016	V/v ban hành Quy chế công tác phí Công ty
34	23/QĐ-PPC-HĐ	07/11/2016	V/v Chấp thuận chủ trương mua sắm bổ sung các thiết bị phụ trợ Công trình Nhà máy SX PBDKBL
35	24/QĐ-PPC-HĐ	09/11/2016	V/v Phê duyệt thanh lý tài sản Bảng Quảng cáo ngoài trời tại Vĩnh Lợi, Bạc Liêu
36	25/QĐ-PPC-HĐ	11/11/2016	V/v Tái Bổ nhiệm Thư ký Công ty

## **HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**

Thành viên Hội đồng quản trị Ông Trần Thiên Hồng, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành.

## **DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về quản trị công ty.

## 2. BANKIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	SL cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban kiểm soát	1.250	0,03%
2	Nguyễn Quang Tám	Thành viên BKS	-	-
3	Vũ Chí Dương	Thành viên BKS	-	-

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2016, hoạt động của BKS tuân thủ chặt chẽ theo quy chế hoạt động đã được ban hành. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo kế hoạch năm 2016 đã được Hội đồng Quản trị PVCFC phê duyệt. Hàng quý, BKS đều tổ chức họp và thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả SXKD của Công ty. BKS cũng góp ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy trình, quy định của Công ty. Trong năm 2016, BKS đã tổ chức các cuộc họp như sau:

- Ngày 14/4/2016, họp bầu Trưởng Ban kiểm soát mới nhiệm kỳ 2015-2020.
- Ngày 23/6/2016, họp giám sát tình hình triển khai dự án Nhà máy Phân bón Dầu khí Bạc Liêu.
- Ngày 18/8/2016, họp thẩm định tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2016 và báo cáo tài chính giữa niên độ 2016.
- Ngày 13/10/2016, họp thẩm định tình hình SXKD 9 tháng đầu năm và báo cáo tài chính quý III/ 2016.

Trong quá trình làm việc, BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động của BKS được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất.

Tình hình thực hiện kiểm tra, giám sát Công ty PPC của BKS trong năm 2016 tập trung vào các vấn đề:

- Thực hiện giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Công ty Mẹ PVCFC, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty (HĐQT).
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính năm của Công ty
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016;
- Giám sát việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm tiết giảm chi phí.

### 3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT

#### LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

*ĐVT: Ngàn đồng*

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi	Tổng cộng	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị:</b>		<b>9,39%</b>	<b>4,64%</b>	<b>14,03%</b>	
1	Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch	0,93%	0,00%	0,93%	
2	Trần Chí Nguyên	Chủ tịch	2,17%	1,55%	3,71%	
3	Tổng Việt Thống	TV HĐQT	2,10%	1,03%	3,13%	
4	Trần Như Quỳnh	TV HĐQT	2,10%	1,03%	3,13%	
5	Trần Thiên Hồng	TV HĐQT	2,10%	1,03%	3,13%	
<b>II.</b>	<b>Ban Kiểm soát:</b>		<b>9,78%</b>	<b>6,35%</b>	<b>16,13%</b>	
1	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng BKS	7,86%	5,58%	13,44%	
2	Vũ Chí Dương	TV BKS	0,54%	0,39%	0,93%	
3	Nguyễn Quang Tám	TV BKS	0,91%	0,39%	1,30%	
4	Nguyễn Văn Khán	TV BKS	0,23%	0,00%	0,23%	
5	Trương Quỳnh Anh	TV BKS	0,23%	0,00%	0,23%	
<b>III.</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc:</b>		<b>33,15%</b>	<b>19,53%</b>	<b>52,68%</b>	
1	Lê Quốc Dũng	GĐ kiêm TV HĐQT	22,93%	12,51%	35,44%	
2	Nguyễn Thanh Nhuận	PGĐ	10,22%	7,01%	17,24%	
<b>IV.</b>	<b>Kế toán trưởng:</b>		<b>10,46%</b>	<b>6,70%</b>	<b>17,17%</b>	
1	Lê Cảnh Khánh	KTT	10,46%	6,70%	17,17%	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>116,17%</b>	<b>69,80%</b>	<b>185,97%</b>	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có Việc thực hiện các quy định về quản trị

công ty:

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8  
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hồng	Ủy viên
Ông Tống Việt Thống	Ủy viên
Bà Trần Như Quỳnh	Ủy viên

##### Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2016)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**Lê Quốc Dũng**  
Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

Số: 412 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 02 năm 2017, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Hoài Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 21 tháng 02 năm 2017  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Ngọc Hải**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2452-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.089.325.554</b>	<b>33.125.389.469</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>266.465.039</b>	<b>6.874.069.945</b>
1. Tiền	111		266.465.039	6.874.069.945
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.752.575.724</b>	<b>16.582.574.279</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.375.066.106	16.582.574.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.083.737.541	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.293.772.077	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>9.240.220.458</b>	<b>8.974.436.317</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.240.220.458	8.974.436.317
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>830.064.333</b>	<b>694.308.928</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		830.064.333	653.327.050
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	40.981.878
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>79.360.143.577</b>	<b>52.292.774.017</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.259.812.269</b>	<b>52.096.338.593</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	53.259.812.269	52.096.338.593
- Nguyên giá	222		82.831.322.146	76.017.470.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.571.509.877)	(23.921.131.825)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>25.511.944.151</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.511.944.151	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>585.387.157</b>	<b>193.435.424</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		585.387.157	193.435.424
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>116.449.469.131</b>	<b>85.418.163.486</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.537.642.009</b>	<b>38.162.930.224</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.203.657.395</b>	<b>15.783.107.984</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	14.684.413.333	1.930.566.503
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.395.639.459	558.391.957
3. Phải trả người lao động	314		7.445.192.318	3.003.023.545
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		681.211.413	285.199.362
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		334.113.378	232.185.963
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	8.352.000.000	8.352.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.311.087.494	1.421.740.654
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.333.984.614</b>	<b>22.379.822.240</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	10	27.333.984.614	22.379.822.240
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.911.827.122</b>	<b>47.255.233.262</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>54.911.827.122</b>	<b>47.255.233.262</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.812.490.000	32.650.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.775.243.318	2.433.155.732
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.324.093.804	12.172.077.530
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.117.670.469	3.224.826.955
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.206.423.335	8.947.250.575
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>116.449.469.131</b>	<b>85.418.163.486</b>

  
**Nguyễn Đình Lịch**  
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

  
**Lê Cảnh Khánh**  
Kế toán trưởng

  
**Lê Quốc Dũng**  
Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>14</b>	<b>153.298.850.980</b>	<b>144.476.510.268</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>153.298.850.980</b>	<b>144.476.510.268</b>
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	125.837.371.394	120.656.939.156
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>27.461.479.586</b>	<b>23.819.571.112</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		30.601.798	122.409.154
6. Chi phí tài chính	22		2.722.331.317	2.981.668.071
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.685.278.696	2.981.513.071
7. Chi phí bán hàng	25	17	3.763.825.820	2.542.052.535
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	10.805.773.032	8.476.870.133
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>10.200.151.215</b>	<b>9.941.389.527</b>
10. Thu nhập khác	31		90.909.091	-
11. Chi phí khác	32		-	-
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>90.909.091</b>	<b>-</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>10.291.060.306</b>	<b>9.941.389.527</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	1.084.636.971	994.138.952
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>9.206.423.335</b>	<b>8.947.250.575</b>
<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>19</b>	<b>1.805</b>	<b>1.813</b>

  
Nguyễn Đình Lịch  
Người lập biểu

  
Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Dũng  
Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>10.291.060.306</b>	<b>9.941.389.527</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.502.595.324	6.254.212.716
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	36.743.121	155.000
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(121.201.389)	(114.048.954)
Chi phí lãi vay	06	2.685.278.696	2.981.513.071
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19.394.476.058</b>	<b>19.063.221.360</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(10.129.019.567)	(2.502.319.605)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(265.784.141)	(1.333.251.936)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.394.704.265	(5.903.901.650)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(568.689.016)	(248.826.417)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.702.808.283)	(2.990.740.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(844.756.737)	(742.019.469)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.660.482.635)	(651.106.364)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.617.639.944</b>	<b>4.691.055.537</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(26.300.608.613)	(3.685.627.409)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	90.909.091	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.292.298	114.048.954
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.179.407.224)</b>	<b>(3.571.578.455)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	64.144.074.020	13.662.715.542
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(59.189.911.646)	(18.964.715.542)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.530.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>4.954.162.374</b>	<b>(11.832.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(6.607.604.906)</b>	<b>(10.712.522.918)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.874.069.945</b>	<b>17.586.592.863</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>266.465.039</b>	<b>6.874.069.945</b>

  
Nguyễn Đình Lịch  
Người lập biểu

  
Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Dũng  
Giám đốc



Ngày 21 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ chín ngày 08 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 217 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 185 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Vận tải hành khách đường bộ khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí lãi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2016 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	38.414.624	70.414.415
Tiền gửi không kỳ hạn	228.050.415	6.803.655.530
	<b>266.465.039</b>	<b>6.874.069.945</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	21.196.118.906	16.140.949.029
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	3.102.057.200	-
Các khách hàng khác	76.890.000	441.625.250
	<b>24.375.066.106</b>	<b>16.582.574.279</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)</b>	<b>21.196.118.906</b>	<b>16.140.949.029</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.696.608.844	-	3.717.812.326	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.176.295.482	-	1.207.200.708	-
Thành phẩm	1.367.316.132	-	4.049.423.283	-
	<b>9.240.220.458</b>	<b>-</b>	<b>8.974.436.317</b>	<b>-</b>

**8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	35.931.240.697	34.807.527.314	5.155.915.135	122.787.272	76.017.470.418
Mua sắm mới	-	7.666.069.000	-	-	7.666.069.000
Thanh lý, nhượng bán	(852.217.272)	-	-	-	(852.217.272)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.079.023.425</b>	<b>42.473.596.314</b>	<b>5.155.915.135</b>	<b>122.787.272</b>	<b>82.831.322.146</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	8.442.091.319	13.631.361.879	1.769.860.228	77.818.399	23.921.131.825
Khấu hao trong năm	2.019.922.364	3.814.335.223	645.734.923	22.602.814	6.502.595.324
Thanh lý, nhượng bán	(852.217.272)	-	-	-	(852.217.272)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.609.796.411</b>	<b>17.445.697.102</b>	<b>2.415.595.151</b>	<b>100.421.213</b>	<b>29.571.509.877</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	27.489.149.378	21.176.165.435	3.386.054.907	44.968.873	52.096.338.593
Tại ngày cuối năm	25.469.227.014	25.027.899.212	2.740.319.984	22.366.059	53.259.812.269

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 72.463.636 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 30.500.000 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 49.061.353.253 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 46.891.412.496 VND).

**9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Tài sản dở dang dài hạn phản ánh chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn của Dự án Đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu, có quy mô sản xuất phân bón Đạm đen từ Urea với công suất 30.000 tấn/năm.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang này để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

**10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND			Giá trị VND	trả nợ VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu</b>						
Hợp đồng số 11160128/HĐTD ngày 28/01/2011 (i)	21.081.053.491	21.081.053.491	-	7.880.000.000	28.961.053.491	28.961.053.491
Hợp đồng số 57.140613/HĐTD ngày 20/6/2013 (ii)	1.298.768.749	1.298.768.749	-	472.000.000	1.770.768.749	1.770.768.749
Hợp đồng số 64.1104/2016 ngày 11/04/2016 (iii)	5.289.679.386	5.289.679.386	5.289.679.386	-	-	-
Hợp đồng số 64.2006/2016 ngày 30/6/2016 (iv)	8.016.482.988	8.016.482.988	8.016.482.988	-	-	-
Các hợp đồng vay ngắn hạn khác	-	-	59.189.911.646	59.189.911.646	-	-
	<b>35.685.984.614</b>	<b>35.685.984.614</b>	<b>72.496.074.020</b>	<b>67.541.911.646</b>	<b>30.731.822.240</b>	<b>30.731.822.240</b>
<b>Số phải trả trong vòng 12 tháng</b>	<b>8.352.000.000</b>				<b>8.352.000.000</b>	
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>27.333.984.614</b>				<b>22.379.822.240</b>	

- (i) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu". Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Tại ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 VND và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Tại ngày 11 tháng 4 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với các khoản tiền bằng Việt Nam Đồng có tổng giá trị không vượt quá 5.726.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là dùng để thanh toán cho Dự án mua 01 máy sợi và 02 máy dệt, thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất 7,1% cho 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, kể từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,8%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Do lịch trả nợ cụ thể chưa được thống nhất nên Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng đây là một khoản vay trung hạn và quyết định trình bày lịch trả nợ đối với khoản vay này là từ 3 đến 5 năm.

**10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với các khoản tiền bằng Việt Nam Đồng có tổng giá trị không vượt quá 22.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là dùng để thực hiện Dự án nhà máy phân bón dầu khí Bạc Liêu, thời hạn vay là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất 7,4% cho 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, kể từ tháng 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Do lịch trả nợ cụ thể chưa được thống nhất nên Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng đây là một khoản vay trung hạn và quyết định trình bày lịch trả nợ đối với khoản vay này là trên 5 năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	8.352.000.000	8.352.000.000
Trong năm thứ hai	8.352.000.000	8.352.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.965.501.626	14.027.822.240
Sau năm năm	8.016.482.988	-
	<b>35.685.984.614</b>	<b>30.731.822.240</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	8.352.000.000	8.352.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>27.333.984.614</b>	<b>22.379.822.240</b>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.073.580.500	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Cá Voi Xanh	2.814.520.500	-
Tai An LiFeng Chemical Equipments Co.,Ltd	1.799.207.280	-
Công ty Cổ phần Á Đông ADG	1.440.801.450	-
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	376.934.250	519.337.500
Phải trả cho các đối tượng khác	2.179.369.353	1.411.229.003
	<b>14.684.413.333</b>	<b>1.930.566.503</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)</b>	<b>6.073.580.500</b>	<b>-</b>



**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	Phát sinh trong năm		Thuế phải nộp
	tại ngày đầu năm	tại ngày đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	tại ngày cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	475.239.219	5.640.648.611	5.062.648.630	1.053.239.200
- Thuế GTGT đầu ra	-	475.239.219	4.066.134.960	3.488.134.979	1.053.239.200
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.574.513.651	1.574.513.651	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	71.739.488	1.084.636.971	844.756.737	311.619.722
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.413.250	182.771.077	163.403.790	30.780.537
Thuế khác	-	-	190.628.968	190.628.968	-
Các khoản phí, lệ phí	40.981.878	-	109.685.800	68.703.922	-
	<b>40.981.878</b>	<b>558.391.957</b>	<b>7.208.371.427</b>	<b>6.330.142.047</b>	<b>1.395.639.459</b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>897.105.742</b>	<b>13.155.926.935</b>	<b>46.703.032.677</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.947.250.575	8.947.250.575
Trích lập các quỹ	-	1.536.049.990	(3.401.099.980)	(1.865.049.990)
Chia cổ tức	-	-	(6.530.000.000)	(6.530.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>2.433.155.732</b>	<b>12.172.077.530</b>	<b>47.255.233.262</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.206.423.335	9.206.423.335
Trích lập các quỹ (i)	-	1.342.087.586	(2.891.917.061)	(1.549.829.475)
Chia cổ tức (i)	8.162.490.000	-	(8.162.490.000)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>40.812.490.000</b>	<b>3.775.243.318</b>	<b>10.324.093.804</b>	<b>54.911.827.122</b>

- (i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2016.

**Cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>4.081.249</b>	<b>3.265.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.081.249	3.265.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>4.081.249</b>	<b>3.265.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.081.249	3.265.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ chín ngày 08 tháng 7 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 40.812.490.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày cuối năm		Vốn đã góp tại ngày đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	20.826.250.000	51,03	20.826.250.000	51,03	16.661.000.000	51,03
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	3.000.000.000	7,35	3.000.000.000	7,35	2.400.000.000	7,35
Cổ đông khác	16.986.240.000	41,62	16.986.240.000	41,62	13.589.000.000	41,62
	<b>40.812.490.000</b>	<b>100</b>	<b>40.812.490.000</b>	<b>100</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>100</b>

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 25%. Ngày 27 tháng 6 năm 2016, Công ty đã nhận được Công văn số 3640/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.

**14. DOANH THU**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán bao bì	153.115.123.707	144.329.358.410
Doanh thu bán phế liệu	183.727.273	147.151.858
	<b>153.298.850.980</b>	<b>144.476.510.268</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)</b>	<b>134.907.315.060</b>	<b>135.880.088.210</b>

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn của bao bì đã bán	125.837.371.394	120.656.939.156
	<b>125.837.371.394</b>	<b>120.656.939.156</b>

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.158.602.034	97.397.120.825
Chi phí nhân công	24.977.061.733	16.133.398.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.502.595.324	6.254.212.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.253.482.155	11.092.492.864
Chi phí khác bằng tiền	2.515.229.000	798.636.814
	<b>140.406.970.246</b>	<b>131.675.861.824</b>

**17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	6.371.969.752	3.117.596.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.340.210.909	1.378.777.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.606.052.688	2.771.753.372
Chi phí khác bằng tiền	1.487.539.683	1.208.742.826
	<b>10.805.773.032</b>	<b>8.476.870.133</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	1.884.062.075	1.022.627.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.246.584	214.436.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	749.985.246	1.178.940.349
Chi phí khác bằng tiền	864.531.915	126.047.297
	<b>3.763.825.820</b>	<b>2.542.052.535</b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.291.060.306</b>	<b>9.941.389.527</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>555.309.400</b>	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>10.846.369.706</b>	<b>9.941.389.527</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	2.169.273.942	2.187.105.696
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do áp dụng thuế suất ưu đãi 20%	-	(198.827.791)
<b>Thuế phải nộp được miễn giảm 50%</b>	<b>(1.084.636.971)</b>	<b>(994.138.953)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.084.636.971</b>	<b>994.138.952</b>

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2016 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Điều chỉnh lại)</b>
		<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.206.423.335</b>	<b>8.947.250.575</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(1.841.284.667)	(1.549.829.475)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.365.138.668</b>	<b>7.397.421.100</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.081.249	4.081.249
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.805</b>	<b>1.813</b>

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)**

**Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và thông qua việc phân phối lợi nhuận của năm 2015, dẫn đến việc điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ảnh hưởng của việc thay đổi số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 và điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm 2015 do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu:

	<u>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</u> VND	<u>Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm</u> Cổ phiếu	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u> VND
<b>Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>7.605.162.989</b>	<b>3.265.000</b>	<b>2.329</b>
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và điều chỉnh lại quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015	(207.741.889)	816.249	(517)
<b>Số đã điều chỉnh lại</b>	<b>7.397.421.100</b>	<b>4.081.249</b>	<b>1.813</b>

**20. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Theo Quyết định số 06/QĐ-PPC-HĐ ngày 14 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án Đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu, có quy mô sản xuất phân bón Đạm đen từ Urea với công suất 30.000 tấn/năm. Tổng mức đầu tư của Dự án là 31.512.637.193 VND, dự kiến hoàn thành và hoạt động thương mại từ quý 1 năm 2017.

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản vay	35.685.984.614	30.731.822.240
Trừ: Tiền	266.465.039	6.874.069.945
Nợ thuần	35.419.519.575	23.857.752.295
Vốn chủ sở hữu	54.911.827.122	47.255.233.262
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,65</b>	<b>0,50</b>

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.465.039	6.874.069.945
Phải thu khách hàng	24.375.066.106	16.582.574.279
Phải thu khác	1.296.772.077	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.938.303.222</b>	<b>23.459.644.224</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	14.684.413.333	1.930.566.503
Chi phí phải trả	681.211.413	285.199.362
Các khoản vay	35.685.984.614	30.731.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.051.609.360</b>	<b>32.947.588.105</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty sẽ (giảm)/tăng 713.719.692 VND (năm 2015: 614.636.445 VND).

	<b>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</b>
Năm nay		
VND	+200	(713.719.692)
VND	-200	713.719.692
Năm trước		
VND	+200	(614.636.445)
VND	-200	614.636.445

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 22.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

125  
NG  
HIỆN  
.01  
T I  
A -

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.465.039	-	266.465.039
Phải thu khách hàng	24.375.066.106	-	24.375.066.106
Phải thu khác	1.293.772.077	3.000.000	1.296.772.077
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.935.303.222</b>	<b>3.000.000</b>	<b>25.938.303.222</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	14.684.413.333	-	14.684.413.333
Chi phí phải trả	681.211.413	-	681.211.413
Các khoản vay	8.352.000.000	27.333.984.614	35.685.984.614
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.717.624.746</b>	<b>27.333.984.614</b>	<b>51.051.609.360</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.217.678.476</b>	<b>(27.330.984.614)</b>	<b>(25.113.306.138)</b>

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.874.069.945	-	6.874.069.945
Phải thu khách hàng	16.582.574.279	-	16.582.574.279
Phải thu khác	-	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.456.644.224</b>	<b>3.000.000</b>	<b>23.459.644.224</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	1.930.566.503	-	1.930.566.503
Chi phí phải trả	285.199.362	-	285.199.362
Các khoản vay	8.352.000.000	22.379.822.240	30.731.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.567.765.865</b>	<b>22.379.822.240</b>	<b>32.947.588.105</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.888.878.359</b>	<b>(22.376.822.240)</b>	<b>(9.487.943.881)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:***

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn

***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	133.069.407.060	135.880.088.210
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	1.837.908.000	-
<b>Mua nguyên vật liệu</b>		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	21.552.975.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10.490.729.955	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	1.435.500.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	331.650.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung	-	1.417.950.000
<b>Dịch vụ khác</b>		
Công ty Bảo hiểm PVI Cà Mau	486.437.070	133.829.718
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	99.413.895	113.781.481
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	429.335.983	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	50.000.000
<b>Chia cổ tức cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau</b>	<b>-</b>	<b>3.332.000.000</b>
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>2.919.717.500</b>	<b>1.278.524.892</b>

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	21.196.118.906	16.140.949.029
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.073.580.500	-
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	141.431.100	-



Nguyễn Đình Lịch  
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 02 năm 2017



Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Dũng  
Giám đốc





Xác nhận của tổ chức phát hành  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM  
(Người đại diện theo pháp luật)



LÊ QUỐC DŨNG